TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HN - ST
Ngày: 22 - 12 - 2025
"V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em.
2. Ông Trương Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025; về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST – HN, ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2025/QĐST – HN, ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ thường trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (nay là: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long). Địa chỉ liên hệ: Số H, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (nay là: Số H, khóm B, phường N, tỉnh Vĩnh Long).

Bị đơn: Bà Sơn Thị Thúy L, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (nay là: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch Thanh T trình bày: Ông với bà Sơn Thị Thúy L là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn 20, quyển 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh chứng nhận ngày 22/3/2002.

Quá trình chung sống có hai người con chung tên Thạch Chí C, sinh ngày 15/11/2002 và Thạch Chí N, sinh ngày 01/3/2009.

Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc; đến năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất hòa về quan điểm sống lẫn công việc, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, vợ chồng đã tạo điều kiện cho nhau nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

- *Về con chung*: Đối với Thạch Chí C đã trưởng thành, ông T không yêu cầu giải quyết; đối với Thạch Chí N hiện đang sống với bà L, ông T đồng ý giao bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Sơn Thị Thúy L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Thanh T.

Về hôn nhân: Cho ông Thạch Thanh T được ly hôn với bà Sơn Thị Thúy L.

2. Về con chung:

- Đối với Thạch Chí C, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành; đề nghị không xem xét.

- Đối với Thạch Chí N, sinh ngày 01/3/2009 hiện đang sống với bà L; giao bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa yêu cầu, đề nghị không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu phải trả: Không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

5. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa ông Thạch Thanh T là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; bà Sơn Thị Thúy L là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông T khởi kiện bà L có địa chỉ tại xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long) về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông T là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; bà L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[3] Ông T và bà L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 20 (quyển 01/2002) ngày 22 tháng 3 năm 2002. Từ đó xác định hôn nhân giữa ông T với bà L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông T cho rằng do bất hòa về quan điểm sống lẫn công việc, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng đã tạo điều kiện cho nhau nhiều lần nhưng không hàn gắn được và đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương và gia đình bà L cung cấp thì cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà L không hạnh phúc, ông T có người khác bên ngoài và đã bỏ nhà đi nhiều năm nay không lo cho gia đình và các con; từ đó mà vợ chồng đã không còn sống chung với nhau đã trên 05 năm cho đến nay mạnh ai nấy sống. Cũng như tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà L không còn, hàn gắn không hạnh phúc. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T; cho ông T và bà L được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Tên Thạch Chí C, sinh 15/11/2002 và Thạch Chí N, sinh 01/3/2009; khi ly hôn, đối với Chí C đã trưởng thành ông T không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét; đối với Chí N thì ông T đồng ý giao bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy căn cứ vào biên bản xác minh từ phía gia đình bà L thì từ lúc ông T và bà L ly thân nhau cho đến nay thì bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng Chí Nghiệp; do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng, cũng như đảm bảo ổn định về tư tưởng, chổ ở, điều kiện thuận tiện cho việc học hành của Chí N. Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Chí N là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Thanh T.

Về hôn nhân: Ông Thạch Thanh T và bà Sơn Thị Thúy L được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Thạch Chí C, sinh 15/11/2002 đã trưởng thành không xem xét giải quyết. Đối với Thạch Chí N, sinh 01/3/2009 khi ly hôn giao bà Sơn Thị Thúy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Thạch Thanh T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000477 (Ký hiệu: BLTU/25E), ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, do đó ông T không phải nộp.

Bà Sơn Thị Thúy L không phải chịu án phí sơ thẩm.

" Ông T và bà L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Phương Thạnh (nay xã Bình Phú);
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh